

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*  
*đã được kiểm toán*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 – 5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 36</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 35
Phụ lục 01: Chi tiết vật tư, hàng hoá giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	36

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 879/1998/QĐ/TCCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3706000030 ngày 21 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh theo Quyết định 714/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200285254 ngày 14 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 ngày 08 tháng 01 năm 2016 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Như Bình	Ủy viên
Ông Đặng Trung Thiết	Ủy viên

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Như Bình	Giám đốc
Ông Phan Văn Thuyên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hợp	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

---

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2018

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Nguyễn Như Bình**



Số: *22*./2018/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

**Vấn đề nhân mạnh**

Như trình bày tại thuyết minh số V.04, Công ty đang trình bày trên khoản mục “Phải thu khác ngắn hạn” khoản phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam số tiền 3.201.630.987 đồng bao gồm khoản chi phí vận chuyển vật tư thu hồi từ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt với số tiền là 264.025.000 đồng theo Công văn số 729/ĐS-TCKT ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, chênh lệch điều chỉnh giảm giá thanh ray với số tiền là 2.004.132.000 đồng theo Công văn số 1225/CĐ-ĐS ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và chi phí đo đất năm 2010 với số tiền là 933.473.987 đồng. Đến thời điểm hiện tại các khoản chi phí nêu trên chưa được quyết toán với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>215.634.938.528</b>	<b>146.950.410.389</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>13.897.685.765</b>	<b>13.323.170.467</b>
1.	Tiền	111		6.446.419.098	9.823.170.467
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.451.266.667	3.500.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61.052.761.767</b>	<b>74.037.680.468</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	50.594.645.347	63.261.170.181
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.347.532.353	5.969.277.034
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	8.382.890.267	4.807.233.253
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(272.306.200)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>140.494.894.577</b>	<b>59.334.380.050</b>
1.	Hàng tồn kho	141		140.494.894.577	59.334.380.050
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>189.596.419</b>	<b>255.179.404</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	189.596.419	255.179.404
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.316.135.315</b>	<b>13.513.088.364</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.917.894.885</b>	<b>10.926.524.053</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.797.365.183	10.805.994.351
	- Nguyên giá	222		30.888.956.307	33.110.268.952
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21.091.591.124)	(22.304.274.601)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	120.529.702	120.529.702
	- Nguyên giá	228		120.529.702	120.529.702
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		200.000.000	200.000.000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.198.240.430</b>	<b>2.386.564.311</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.198.240.430	2.386.564.311
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>226.951.073.843</b>	<b>160.463.498.753</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>204.018.160.710</b>	<b>138.373.236.813</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.018.160.710</b>	<b>138.373.236.813</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	40.870.296.000	24.899.641.409
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	131.928.305.805	64.282.708.569
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.461.812.098	2.856.416.969
4.	Phải trả người lao động	314		11.618.978.805	2.499.844.408
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	17.048.256	43.209.997
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	11.974.628.754	29.244.401.750
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	5.237.841.600	13.359.018.575
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	7.893.390
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		909.249.392	1.180.101.746
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.932.913.133</b>	<b>22.090.261.940</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>22.932.913.133</b>	<b>22.090.261.940</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		209.026.194	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.723.886.939	2.090.261.940
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.723.886.939	2.090.261.940
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>226.951.073.843</b>	<b>160.463.498.753</b>

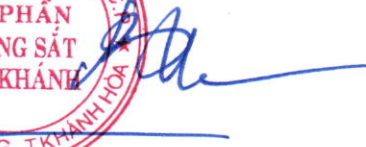
Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

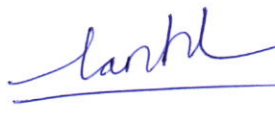
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>161.017.862.379</b>	<b>142.853.807.448</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>161.017.862.379</b>	<b>142.853.807.448</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	137.234.478.588	119.197.308.696
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>23.783.383.791</b>	<b>23.656.498.752</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	511.108.148	139.689.295
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	198.881.731	272.328.482
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>198.881.731</i>	<i>272.328.482</i>
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	20.804.115.199	20.672.473.179
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.291.495.009</b>	<b>2.851.386.386</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	415.969.692	64.225.689
12.	Chi phí khác	32	VI.06	287.198.479	250.246.058
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>128.771.213</b>	<b>(186.020.369)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.420.266.222</b>	<b>2.665.366.017</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	696.379.283	575.104.077
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2.723.886.939</b>	<b>2.090.261.940</b>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.090	837
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.090	837

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		260.317.379.755	220.439.568.903
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(144.375.833.515)	(104.524.133.424)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(59.229.382.704)	(63.188.093.542)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(225.043.472)	(229.118.485)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.723.125.349)	(634.732.703)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.861.738.719	6.556.734.544
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(47.564.149.309)	(38.192.930.759)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.061.584.125</b>	<b>20.227.294.534</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.413.000.000)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		511.108.148	139.689.295
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(901.891.852)</b>	<b>139.689.295</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

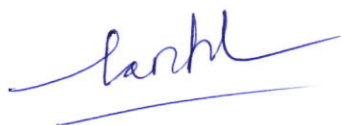
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		17.182.976.078	65.626.174.871
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.304.153.053)	(79.078.544.796)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.464.000.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.585.176.975)</b>	<b>(13.452.369.925)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>574.515.298</b>	<b>6.914.613.904</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.323.170.467</b>	<b>6.408.556.563</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>13.897.685.765</b>	<b>13.323.170.467</b>

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2017**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	127.574.695	62.174.730
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.318.844.403	9.760.995.737
- Các khoản tương đương tiền (*)	7.451.266.667	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>13.897.685.765</u></b>	<b><u>13.323.170.467</u></b>

(\*): Tại ngày 31/12/2017, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hoà với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,8%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>

**03. Phải thu của khách hàng****a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

- Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 3
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam
- Công ty Cổ phần Công trình 793
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

**b. Phải thu của khách hàng dài hạn****Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>50.594.645.347</b>	<b>63.261.170.181</b>
	259.197.000	27.397.427.000
	34.428.961.205	20.173.160.028
	7.149.870.000	9.649.870.000
	8.756.617.142	6.040.713.153
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>50.594.645.347</b>	<b>63.261.170.181</b>

**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 3
- XN 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3
- XN 305 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam
- Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải
- Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn

Phải thu của khách hàng dài hạn

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	35.429.551.205	48.881.503.028
	259.197.000	27.397.427.000
	64.108.000	64.108.000
	117.876.000	117.876.000
	34.428.961.205	20.173.160.028
	186.470.000	1.128.932.000
	372.939.000	-
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.429.551.205</b>	<b>48.881.503.028</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.382.890.267</b>	-	<b>4.807.233.253</b>	-
- Tạm ứng	648.622.563	-	585.495.863	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	265.468.942	-	265.575.497	-
- Phải thu khác	7.468.798.762	-	3.956.161.893	-
+ Phải thu người lao động thuế TNCN	65.582.985	-	66.641.426	-
+ Cước vận chuyển 500 thanh ray Dự án K1, K2 <sup>(a)</sup>	264.025.000	-	264.025.000	-
+ Chênh lệch điều chỉnh giảm giá 122 thanh ray áo sử dụng 2015 <sup>(b)</sup>	1.018.767.100	-	1.018.767.100	-
+ Chênh lệch điều chỉnh giảm giá 118 thanh ray áo sử dụng 2016 <sup>(b)</sup>	985.364.900	-	985.364.900	-
+ Tổng Công ty ĐSVN - Chi phí đo đất năm 2010	933.473.987	-	933.473.987	-
+ Thuế TNDN tạm nộp của dự án chung cư đường sắt Nha Trang	1.464.433.678	-	592.054.100	-
+ Ông Đinh Văn Hóa <sup>(c)</sup>	2.234.305.350	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	502.845.762	-	95.835.380	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.382.890.267</b>	-	<b>4.807.233.253</b>	-

- (a): Đây là chi phí vận chuyển 500 thanh ray từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quang Nam – Đà Nẵng theo công văn số 729/ĐS-QLHT ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Chi phí này sẽ được quyết toán với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- (b): Là chênh lệch điều chỉnh giảm giá thanh ray áo sử dụng theo Công văn số 1225/CĐ-ĐS ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Chi phí này sẽ được quyết toán với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- (c): Khoản phải thu ông Đinh Văn Hóa về tiền bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông đường sắt giữa tàu SQN4 với xe ô tô tải do lỗi của ông Đinh Văn Hóa không thực hiện đúng quy trình tác nghiệp đón tiễn tàu SQN4 đi qua đường ngang. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vân Canh đã ra quyết định khởi tố vụ án “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt” và đang tiến hành điều tra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	190.862.000	57.258.600	-	-
- Ban quản lý các dự án ĐT và XD thành phố Tuy Hòa	11.314.000	-	-	-
- Xí nghiệp 305 - Công ty Cổ phần ĐT và XD Công trình 3	117.876.000	35.362.800	-	-
- Xí nghiệp 303 - Công ty Cổ phần ĐT và XD Công trình 3	64.108.000	19.232.400	-	-
<b>Cộng</b>	<b>384.160.000</b>	<b>111.853.800</b>	-	-

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.055.630.837	-	6.693.022.143	-
- Công cụ, dụng cụ	544.832.185	-	480.422.571	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	132.894.431.555	-	52.160.935.336	-
<b>Cộng</b>	<b>140.494.894.577</b>	-	<b>59.334.380.050</b>	-

(\*) : Trong đó

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án chung cư đường sắt Nha Trang

119.032.185.714

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang khác

13.862.245.841

**Cộng****132.894.431.555**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.575.512.496</i>	<i>8.627.609.107</i>	<i>10.705.142.167</i>	<i>202.005.182</i>	<i>33.110.268.952</i>
- Mua trong năm	-	1.413.000.000	-	-	1.413.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	(3.027.150.740)	(607.161.905)	-	(3.634.312.645)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>13.575.512.496</i>	<i>7.013.458.367</i>	<i>10.097.980.262</i>	<i>202.005.182</i>	<i>30.888.956.307</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.747.978.411</i>	<i>6.094.911.294</i>	<i>7.276.979.974</i>	<i>184.404.922</i>	<i>22.304.274.601</i>
- Khấu hao trong năm	1.049.541.597	669.514.562	798.663.718	18.612.393	2.536.332.270
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh theo kiểm toán Nhà nước	359.358.332	(158.155.507)	(275.434.826)	(40.471.101)	(114.703.102)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	(3.027.150.740)	(607.161.905)	-	(3.634.312.645)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>10.156.878.340</i>	<i>3.579.119.609</i>	<i>7.193.046.961</i>	<i>162.546.214</i>	<i>21.091.591.124</i>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>4.827.534.085</i>	<i>2.532.697.813</i>	<i>3.428.162.193</i>	<i>17.600.260</i>	<i>10.805.994.351</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>3.418.634.156</i>	<i>3.434.338.758</i>	<i>2.904.933.301</i>	<i>39.458.968</i>	<i>9.797.365.183</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 0 đồng.

(\*) Ghi giảm các tài sản không cần dùng chờ thanh lý theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 18 tháng 5 năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>120.529.702</i>	<i>120.529.702</i>
- Mua trong năm	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>120.529.702</i>	<i>120.529.702</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>120.529.702</i>	<i>120.529.702</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>120.529.702</i>	<i>120.529.702</i>

**09. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	<i>1.198.240.430</i>	<i>2.386.564.311</i>
- Giá trị lợi thế kinh doanh	1.031.637.804	2.063.275.609
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	73.599.663	147.199.326
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị vốn ODA	93.002.963	176.089.376
<b>Cộng</b>	<b>1.198.240.430</b>	<b>2.386.564.311</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>13.359.018.575</b>	<b>13.359.018.575</b>	<b>17.182.976.078</b>	<b>25.304.153.053</b>	<b>5.237.841.600</b>	<b>5.237.841.600</b>
- Vay ngân hàng	13.359.018.575	13.359.018.575	17.182.976.078	25.304.153.053	5.237.841.600	5.237.841.600
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	8.159.018.575	8.159.018.575	-	8.159.018.575	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nha Trang <sup>(*)</sup>	5.200.000.000	5.200.000.000	17.182.976.078	17.145.134.478	5.237.841.600	5.237.841.600
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.359.018.575</b>	<b>13.359.018.575</b>	<b>17.182.976.078</b>	<b>25.304.153.053</b>	<b>5.237.841.600</b>	<b>5.237.841.600</b>

**Thông tin chi tiết về khoản vay:**

<sup>(\*)</sup>: Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/8552332/HĐTD ngày 21 tháng 6 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC với hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng áp dụng chính sách về tín chấp tài sản đảm bảo. Ngoài ra, Công ty cam kết thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác và thế chấp khoản phải thu hình thành trong tương lai từ các hợp đồng kinh tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>40.870.296.000</b>	<b>40.870.296.000</b>	<b>24.899.641.409</b>	<b>24.899.641.409</b>
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	-	-	253.956.455	253.956.455
- Xí nghiệp Xây dựng công trình Khánh Hòa	5.258.978.078	5.258.978.078	1.186.406.370	1.186.406.370
- Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải	-	-	4.327.104.000	4.327.104.000
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình	-	-	3.686.185.000	3.686.185.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	5.715.118.000	5.715.118.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	4.577.576.060	4.577.576.060	3.096.301.155	3.096.301.155
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	-	-	2.062.986.101	2.062.986.101
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	25.318.623.862	25.318.623.862	10.286.702.328	10.286.702.328
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.870.296.000</b>	<b>40.870.296.000</b>	<b>24.899.641.409</b>	<b>24.899.641.409</b>
<b>c. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải	-	-	4.327.104.000	4.327.104.000
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình	-	-	3.686.185.000	3.686.185.000
- Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn	-	-	980.315.000	980.315.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	-	-	253.956.455	253.956.455
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	14.198.000	14.198.000	13.153.000	13.153.000
- Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình	979.078.000	979.078.000	-	-
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	869.605.045	869.605.045	789.366.625	789.366.625
- CN Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Đà Nẵng	30.002.488	30.002.488	29.359.263	29.359.263
- CN Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Sài Gòn	-	-	209.594.627	209.594.627
- CN Công ty Cổ phần Công trình 6 - XN Vật liệu Xây dựng Tháp Chàm	1.169.900.000	1.169.900.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.062.783.533</b>	<b>3.062.783.533</b>	<b>11.289.033.970</b>	<b>11.289.033.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>131.928.305.805</b>	<b>131.928.305.805</b>	<b>64.282.708.569</b>	<b>64.282.708.569</b>
- Các đối tượng nộp tiền theo tiến độ dự án chung cư đường sắt Nha Trang	130.153.544.644	130.153.544.644	59.205.409.969	59.205.409.969
- Ban Quản lý Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Phú Yên	1.521.517.000	1.521.517.000	3.700.000.000	3.700.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	253.244.161	253.244.161	1.377.298.600	1.377.298.600
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>131.928.305.805</b>	<b>131.928.305.805</b>	<b>64.282.708.569</b>	<b>64.282.708.569</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.934.961.396	7.038.561.776	8.278.800.159	-	694.723.013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	921.455.573	1.568.758.861	1.723.125.349	-	767.089.085
- Thuế thu nhập cá nhân	145.872.604	-	101.451.008	35.868.023	80.289.619	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	109.306.800	-	53.301.090	53.301.090	109.306.800	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	6.880.203	6.880.203	-	-
<b>Cộng</b>	<b>255.179.404</b>	<b>2.856.416.969</b>	<b>8.772.952.938</b>	<b>10.101.974.824</b>	<b>189.596.419</b>	<b>1.461.812.098</b>

(\*): Số phải nộp trong năm bao gồm:

	Số tiền
Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	696.379.283
Thuế TNDN tạm nộp của dự án bất động sản	872.379.578
<b>Tổng</b>	<b>1.568.758.861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>17.048.256</b>	<b>43.209.997</b>
- Chi phí lãi vay	17.048.256	43.209.997
- Các khoản trích trước khác	-	-
<b>b. Chi phí phải trả dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>17.048.256</b>	<b>43.209.997</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>11.974.628.754</b>	<b>29.244.401.750</b>
- Bảo hiểm xã hội	110.616.848	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	719.669.354
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.864.011.906	28.524.732.396
+ <i>Chênh lệch giá nhượng bán vật tư thu hồi(*)</i>	-	3.665.163.908
+ <i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	9.153.558.710	24.734.956.419
+ <i>Các đối tượng khác</i>	2.710.453.196	124.612.069
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.974.628.754</b>	<b>29.244.401.750</b>

(\*): Đây là chênh lệch giá vật tư thu hồi thực hiện theo Công văn điều chỉnh phương án giá quản lý bảo trì sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Sau khi bán đấu giá vật tư thu hồi, xác định được tiền thu bù trừ với chi phí thu gom, vận chuyển, nhượng bán, chênh lệch giá của số vật tư thu hồi phần chênh lệch nộp ngân sách Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>9.300.196.355</b>	<b>10.665.185.899</b>	<b>892.231.393</b>	-	<b>20.857.613.647</b>
Tăng vốn trong năm	11.557.417.292	-	-	-	11.557.417.292
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	2.090.261.940	2.090.261.940
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	(10.665.185.899)	(892.231.393)	-	(11.557.417.292)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	(857.613.647)	-	-	-	(857.613.647)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-	<b>2.090.261.940</b>	<b>22.090.261.940</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	2.723.886.939	2.723.886.939
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	209.026.194	(2.090.261.940)	(1.881.235.746)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	<b>209.026.194</b>	<b>2.723.886.939</b>	<b>22.932.913.133</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Vốn góp của các cổ đông khác	9.800.000.000	49	9.800.000.000	49
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	9.300.196.355
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.557.417.292
+ Vốn góp giảm trong năm	-	(857.613.647)
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.464.000.000	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**f. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	209.026.194	-
<b>Cộng</b>	<b>209.026.194</b>	<b>-</b>

**17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản nhận giữ hộ**

Vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động công ích	138.326.025.909	130.366.948.890
- Doanh thu hoạt động khác	22.691.836.470	12.486.858.558
<b>Cộng</b>	<b>161.017.862.379</b>	<b>142.853.807.448</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	150.659.958.636	131.582.973.436
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Thuận Hải	169.518.182	450.400.000
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 - Thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	103.241.818	6.627.103.636
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2 - Thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.035.790.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	339.035.455	-
<b>Cộng</b>	<b>152.307.544.091</b>	<b>138.660.477.072</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hoạt động công ích	117.124.849.654	106.977.019.727
- Giá vốn của hoạt động khác	20.109.628.934	12.220.288.969
<b>Cộng</b>	<b>137.234.478.588</b>	<b>119.197.308.696</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	511.108.148	139.689.295
<b>Cộng</b>	<b>511.108.148</b>	<b>139.689.295</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	198.881.731	272.328.482
<b>Cộng</b>	<b>198.881.731</b>	<b>272.328.482</b>

**05. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	415.969.692	64.225.689
<b>Cộng</b>	<b>415.969.692</b>	<b>64.225.689</b>

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt chậm nộp	6.880.203	-
- Các khoản khác	280.318.276	250.246.058
<b>Cộng</b>	<b>287.198.479</b>	<b>250.246.058</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>20.804.115.199</b>	<b>20.672.473.179</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	9.202.772.392	7.815.284.938
- Chi phí vật liệu quản lý	678.328.277	225.757.599
- Chi phí đồ dùng văn phòng	153.650.050	79.075.334
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.051.874.342	584.633.851
- Thuế, phí và lệ phí	65.189.190	6.521.600
- Chi phí dự phòng	272.306.200	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.379.994.748	11.961.199.857
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>20.804.115.199</b>	<b>20.672.473.179</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	415.126.196	575.104.077
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	281.253.087	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>696.379.283</b>	<b>575.104.077</b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.723.886.939	2.090.261.940
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.723.886.939	2.090.261.940
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	544.777.387	417.235.746
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.090</b>	<b>837</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2017 tạm tính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27 tháng 4 năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.723.886.939	2.090.261.940
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.723.886.939	2.090.261.940
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	544.777.387	417.235.746
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.090</u></b>	<b><u>837</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2017 tạm tính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27 tháng 4 năm 2017.

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.769.410.025	43.122.162.243
- Chi phí nhân công	85.751.580.724	74.287.226.906
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.369.819.168	2.195.205.882
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.245.567.309	53.164.849.666
- Chi phí khác bằng tiền	16.363.406.580	8.795.517.114
- Chi phí dự phòng	272.306.200	-
<b>Cộng</b>	<b><u>238.772.090.006</u></b>	<b><u>181.564.961.811</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	1.572.832.148	1.808.129.153
<b>Cộng</b>	<b><u>1.572.832.148</u></b>	<b><u>1.808.129.153</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải  
 Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình  
 Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình đường sắt  
 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải  
 Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần đường sắt Thanh hoá  
 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 - Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2 - Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 CN Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN toa xe Sài Gòn  
 CN Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Đà Nẵng  
 CN Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần Công trình 6  
 Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3  
 CN Công ty Cổ phần Công trình 6 - XN Vật liệu xây dựng Tháp Chàm  
 XN 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3  
 XN 305 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3  
 XN 304 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình 3

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
 Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
 Thành viên của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn  
 Thành viên của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn  
 Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
 Thành viên của Công ty Cổ phần Công trình 6  
 Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3  
 Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3  
 Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
Kinh phí quản lý nộp về Tổng Công ty	-	2.581.265.588
Thuê máy móc thiết bị	1.156.373.468	789.366.625
<b>Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn</b>		
Chi phí vận chuyển hàng hoá	1.878.231.000	2.176.525.000
<b>Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn</b>		
Mua dịch vụ	-	891.195.454
<b>Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn</b>		
Mua dịch vụ	1.468.095.455	563.086.364

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
<b>CN Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Sài Gòn</b>		
Mua dịch vụ	-	412.358.752
<b>CN Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN toa xe Đà Nẵng</b>		
Chi phí bảo dưỡng định kỳ toa xe	53.965.228	26.690.239
<b>Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải</b>		
Mua dịch vụ	-	1.009.863.636
<b>Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình</b>		
Mua dịch vụ	-	516.178.182
<b>Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải</b>		
Thuê máy	12.907.273	11.957.273
<b>CN Công ty Cổ phần Công trình 6 - XN Vật liệu xây dựng Tháp Chàm</b>		
Nhập mua hàng	-	4.597.285.800
<b>Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình</b>		
Mua dịch vụ	890.070.909	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02, V.10, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Thông tín tín hiệu đường sắt Sài Gòn</b>		
+ Trả trước cho người bán	138.177.134	761.790.134
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<u>138.177.134</u>	<u>761.790.134</u>
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	9.153.558.710	24.734.956.419
<b>XN 304 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình 3</b>		
+ Người mua trả tiền trước	32.124.000	32.124.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<u>9.185.682.710</u>	<u>24.767.080.419</u>

**03. Điều chỉnh hồi tố**

Ảnh hưởng của việc trình bày lại khoản nợ tiền theo tiến độ dự án chung cư đường sắt Nha Trang đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	59.205.409.969	59.205.409.969
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	59.205.409.969	(59.205.409.969)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động công ích và các hoạt động khác;
- Lĩnh vực 2: Hoạt động bất động sản.

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động công ích và hoạt động khác</b>	<b>Hoạt động bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	161.017.862.379	-	161.017.862.379
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	145.775.702.810	11.950.664.560	157.726.367.370
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>15.242.159.569</b>	<b>(11.950.664.560)</b>	<b>3.291.495.009</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.413.000.000	-	1.413.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.609.953.049	-	3.609.953.049
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.582.413.467	122.270.974.611	212.853.388.078
- Tài sản không phân bổ			14.097.685.765
<b>Tổng tài sản</b>	<b>90.582.413.467</b>	<b>122.270.974.611</b>	<b>226.951.073.843</b>
- Nợ phải trả bộ phận	197.316.064.549	5.792.846.769	203.108.911.318
- Nợ phải trả không phân bổ			909.249.392
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>197.316.064.549</b>	<b>5.792.846.769</b>	<b>204.018.160.710</b>

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.897.685.765	-	13.323.170.467	-	13.897.685.765	13.323.170.467
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.063.444.109	-	67.217.332.074	-	58.063.444.109	67.217.332.074
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>72.161.129.874</b>	<b>-</b>	<b>80.740.502.541</b>	<b>-</b>	<b>72.161.129.874</b>	<b>80.740.502.541</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	40.870.296.000	24.899.641.409	40.870.296.000	24.899.641.409
Vay và nợ	5.237.841.600	13.359.018.575	5.237.841.600	13.359.018.575
Chi phí phải trả	17.048.256	43.209.997	17.048.256	43.209.997
Các khoản phải trả khác	11.864.011.906	28.524.732.396	11.864.011.906	28.524.732.396
<b>Cộng</b>	<b>57.989.197.762</b>	<b>66.826.602.377</b>	<b>57.989.197.762</b>	<b>66.826.602.377</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	40.870.296.000	-	-	40.870.296.000
Vay và nợ	5.237.841.600	-	-	5.237.841.600
Chi phí phải trả	17.048.256	-	-	17.048.256
Các khoản phải trả khác	11.864.011.906	-	-	11.864.011.906
<b>Cộng</b>	<b><u>57.989.197.762</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>57.989.197.762</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	24.899.641.409	-	-	24.899.641.409
Vay và nợ	13.359.018.575	-	-	13.359.018.575
Chi phí phải trả	43.209.997	-	-	43.209.997
Các khoản phải trả khác	28.524.732.396	-	-	28.524.732.396
<b>Cộng</b>	<b><u>66.826.602.377</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>66.826.602.377</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 08 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

### 10. Thông tin về hoạt động liên tục

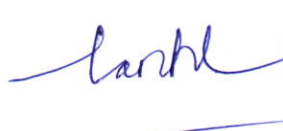
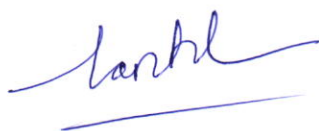
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình